

XÃ HỘI HỌC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT - NHỮNG KHÍA CẠNH NHẬN THỨC CƠ BẢN

*Đào Trí Úc**

1. Sự hình thành “đời sống thứ hai” của pháp luật

Nếu như xây dựng và ban hành pháp luật là một quá trình lao động quyền lực, trong đó chủ thể chính là các cơ quan quyền lực nhà nước (Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, các Bộ v.v.) với sự tham gia của các tổ chức, các cá nhân công dân (trong quá trình tham gia ý kiến, quan điểm điều chỉnh v.v.), thì thực hiện pháp luật là một quá trình rộng hơn nhiều, nếu xét theo phạm vi hoạt động, theo số lượng các chủ thể tham gia các hoạt động đó và đặc biệt là tính phức tạp cũng cao hơn bởi tính chất các quan hệ xã hội đa dạng hơn và nhiều chiều hơn.

Chính vì vậy, thực hiện pháp luật có thể và cần phải trở thành đối tượng quan tâm của xã hội học nhằm mục đích xác định được đầy đủ tính phức tạp của phạm vi hoạt động xã hội này và từ đó có những biện pháp thích ứng thúc đẩy quá trình đưa pháp luật vào cuộc sống được nhanh hơn, có hiệu quả hơn, đầy đủ hơn.

Có thể nói rằng, pháp luật dù ở thể dạng nào (một quy phạm, một chế định hay là một ngành luật và thậm chí cả hệ thống pháp luật nói chung) cũng chỉ là những phạm trù trừu tượng, có mức khái quát rất cao. Pháp luật luôn luôn là sự tổng kết, điển hình hoá, mô hình hoá các quan hệ xã hội. Từ những quan hệ xã hội rất nhiều mặt, rất đa dạng với những mức độ và cường độ biểu hiện khác nhau, các hành vi xã hội được hình thành và sau đó, thông qua quá trình xây dựng pháp luật (thể chế hoá), các quan hệ đó được mô hình hoá đưa lên thành những quan hệ pháp luật rồi kể đó là những quy phạm pháp luật.

Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng, từ thực tiễn xã hội cho đến pháp luật là một quá trình “sàng lọc” những tố chất xã hội trong thực tiễn. Chỉ những gì thực sự điển hình, thực sự đáp ứng được yêu cầu về tính chất đại diện cho toàn bộ thực tiễn xã hội (trong lĩnh vực, trong phạm vi A hay B cụ thể đang cần điều chỉnh) thì mới được “đưa lên thành luật”. Và như vậy, rõ ràng là thực tiễn và pháp luật là hai thứ không thể trùng hợp với nhau, cho dù yêu cầu đặt ra là pháp luật phải phản ánh thực tiễn xã hội !

Cần phải nhìn nhận một lần nữa và nhiều lần nữa sự khác biệt đó để tránh một cách nhìn đơn giản hoá rằng pháp luật dứt khoát phải phản ánh đúng thực tiễn cuộc sống! Nói khác đi, chúng ta cần có một quan điểm xã hội học, nhưng không phải là xã hội học thô thiển!

Thật vậy, khi thực hiện việc điều chỉnh pháp luật đối với các quan hệ xã hội hiện hữu, bao giờ cũng có hai mức độ cần chú ý.

Thứ nhất, thực tiễn các quan hệ xã hội phản ánh các chiều hướng không phải khi nào cũng thống nhất với nhau vì trong xã hội có nhiều lợi ích khác nhau. Trong các lợi ích, các khuynh hướng xã hội đó, có nhiều điểm tương đồng hay ít tương đồng, thậm chí mâu thuẫn cả các đối kháng phụ thuộc vào đặc điểm lịch sử của đất nước, của xã hội trong từng thời kỳ, từng giai đoạn. Đối với chúng ta hiện nay, sự tương đồng và thống nhất lợi ích là yếu tố chủ đạo, nhưng không có nghĩa là hoàn toàn giống nhau. Trong các quan hệ xã hội và hành vi xã hội cái cần phải đấu tranh để khắc phục và loại bỏ là những hiện tượng như lãng phí, quan liêu, tham nhũng, ma tuý, mại dâm, phản lại lợi ích của dân tộc, của đất nước v.v. Những thứ đó tồn tại

* GS. TSKH. Viện trưởng Viện Nhà nước và Pháp luật, Phó Chủ tịch thường trực, kiêm Tổng Thư ký Hội Luật gia Việt Nam.

khách quan trong các quan hệ xã hội ở nước ta, nhưng không thể là “mẫu mực” cho các hành vi xã hội được!

Thứ hai, khác với thực tiễn xã hội và ngoài việc phản ánh thực tiễn xã hội, pháp luật còn phải có sự dự báo ở những mức độ cần thiết cho các hành vi xã hội. Ở cấp độ này, pháp luật và thực tiễn xã hội rõ ràng không phải là một: Pháp luật còn mang tính định hướng và dự báo trong việc điều chỉnh các hành vi xã hội. Pháp luật có mục đích khuyến khích các hành vi hướng tới sự tiến bộ xã hội, khắc phục và đấu tranh với những biểu hiện đi ngược lại tiến độ xã hội.

Từ khi được điều chỉnh, các quan hệ xã hội được đưa vào trong những quy phạm, những chế định của pháp luật và trở thành những mô hình cho các hành vi xã hội. Trước đó mỗi hành vi xã hội là sự phản ánh các quan hệ xã hội, là hình thức của các quan hệ xã hội. Chẳng hạn, khi Đảng và Nhà nước ta chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần thì các quan hệ xã hội ở nước ta là những quan hệ sở hữu đa thành phần trong một nền kinh tế quốc dân thống nhất. Nhưng các quan hệ sở hữu đó có bao nhiêu, phát triển như thế nào về lượng và chất thì phải nhìn nhận qua thực tiễn các hành vi xã hội, tức là qua hoạt động và mức độ phát triển thực tế của các thành phần kinh tế, của các đơn vị, các cá nhân (pháp nhân và thể nhân) thuộc các thành phần. Như vậy, thước đo và biểu hiện của các quan hệ xã hội và sở hữu là hành vi xã hội trong các phạm vi sở hữu của nền kinh tế.

Vì vậy, sẽ chính xác hơn, nếu chúng ta nói mô hình pháp lý của các quan hệ xã hội là mô hình của các hành vi xã hội. Hay nói đúng hơn, từ một góc độ khác, đó là mô hình, là khuôn mẫu cho các hành vi pháp lý.

Vì sao pháp luật (quy phạm, chế định pháp luật) là mô hình của các hành vi pháp lý?

Từ sự “gạn đục, khơi trong”, điển hình hoá sự đa dạng và phức tạp của các quan hệ

xã hội để có được các “khuôn vàng, thước ngọc”, pháp luật có được “trở lại” phục vụ và phục vụ như thế nào các nhu cầu xã hội - đó lại là một vấn đề khác, một quá trình khác - quá trình thực hiện pháp luật. Vậy cái “khác” này là ở chỗ nào?

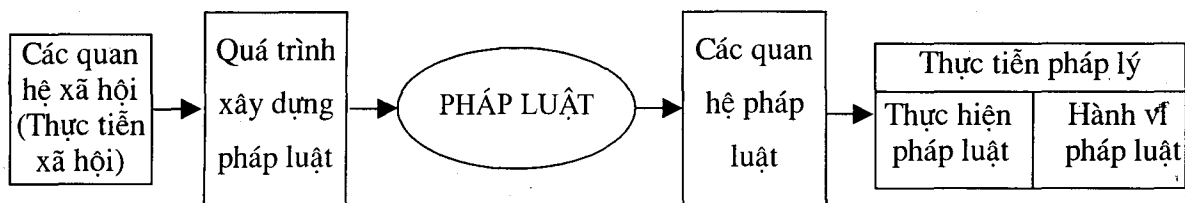
Như đã nói ở trên, khi “đưa” thực tiễn xã hội vào trong pháp luật, quá trình đó đã chấp nhận một sự “đồng nhất” trong sự đa dạng lợi ích xã hội và khuynh hướng xã hội. Do đó, nó (quá trình này) không thể không để lại dấu ấn của sự khác biệt. Từ đó, sau khi được đưa lên thành “ý chí chung” của xã hội, mức độ chấp nhận, mức độ tuân theo đối với pháp luật chắc chắn là sẽ khác nhau. Đó là nếu như chưa nói đến những mức độ sai lệch, chủ quan của quá trình xây dựng pháp luật đã được nói nhiều như thiếu căn cứ khách quan và xác thực do nắm bắt thiếu chính xác tình hình thực tiễn, bệnh lợi ích cục bộ của các Bộ, các ngành trong quá trình soạn thảo và thông qua pháp luật v.v. Cái sai chủ quan này cũng góp phần không nhỏ vào mức độ chấp nhận đối với quy định của pháp luật từ phía các chủ thể thực hiện pháp luật.

Cái khác thứ hai giữa quy định pháp luật với tính cách là mô hình với các hành vi pháp luật là ở số lượng, tức là cường độ biểu hiện. Nếu như mô hình chỉ là một, thì hành vi pháp luật lại rất nhiều. Chẳng hạn, Hiến pháp quy định, công dân có quyền học tập, có quyền tự do kinh doanh. Nhưng trong thực tế “một” cái quyền đó có rất nhiều người thực hiện và thực hiện bằng nhiều cách khác nhau. Mỗi một trường hợp thực hiện pháp luật trong thực tiễn là một hành vi pháp luật, thậm chí cần đến rất nhiều hành vi pháp luật.

Từ những phân tích trên đây, có thể hình dung một dây chuyền quan hệ giữa các giai đoạn phát sinh và phát triển của các quy định pháp luật và sự khác nhau giữa các phạm vi tồn tại của pháp luật. Và đó cũng là con

đường hình thành “đời sống thứ hai” của pháp luật hay là pháp luật trong thực tiễn.

Phác đồ về quá trình hình thành “đời sống thứ hai” của pháp luật



2. Thực hiện pháp luật: những phạm vi quán tâm của xã hội học

Để hiểu rõ sự vật, vấn đề mấu chốt nhất bao giờ cũng là xuất phát từ cái gốc của sự vật đó. Đối với việc thực hiện pháp luật, muốn hiểu được những gì có thể xảy ra và thường xảy ra trong phạm vi hoạt động xã hội này, lẽ dĩ nhiên là cần trở lại với cái gốc của nó. Nói cách khác, cần lần trở lại những mấu xích có liên quan đến việc thực hiện pháp luật.

Theo phác đồ trên đây, cũng như đã phân tích ở trên mối liên hệ đầu tiên cần xem xét ở đây là mối liên hệ với thực tiễn xã hội. Thực hiện pháp luật với tính cách là một nhu cầu, một phạm vi hoạt động xã hội, có mối liên hệ với thực tiễn xã hội, phản ánh đặc điểm của các quan hệ xã hội mà pháp luật có nhiệm vụ điều chỉnh.

Sau khi một quy phạm, một chế định pháp luật ra đời, mặc dù nó là sản phẩm của thực tiễn xã hội, nhưng vẫn tiếp tục chịu sự chi phối của thực tiễn đó. Sự chi phối này, như đã nói ở trên, là do tính chất vốn có của pháp luật tạo nên. Sự chi phối này thể hiện thông qua hành vi của chủ thể thực hiện pháp luật – từ cơ quan Nhà nước các cơ quan hành pháp, các cơ quan tư pháp, cho đến các doanh nghiệp, các cá nhân công dân v.v. Có thể lấy ví dụ về sự chi phối này đối với một chủ thể thực hiện pháp luật quan trọng là cơ

quan hành pháp. Đó là trường hợp “Luật chờ Nghị định, Nghị định chờ Thông tư” mà lâu nay vẫn thấy trong thực tiễn thực hiện pháp luật ở nước ta. Chúng ta không lấy làm lạ những trường hợp các thông tư của Bộ quy định thêm những quyền mới cho Bộ chủ quản và tương ứng là những nghĩa vụ mới đối với dân, nếu so với những quyền và nghĩa vụ mà Luật đã ghi. Đó là những gì mà các Bộ quản lý muốn làm nốt các việc phục vụ cho lợi ích Bộ, ngành mà khi làm luật họ chưa làm được! Không phải ngẫu nhiên mà Đảng và Nhà nước ta đã đề ra chủ trương phấn đấu xây dựng những quy định pháp luật có khả năng điều chỉnh trực tiếp, áp dụng trực tiếp, đi thẳng vào cuộc sống.

Mức độ “huống ứng” các quy định của pháp luật, tức là cường độ của khâu thực hiện pháp luật, phụ thuộc vào sự phù hợp của pháp luật với lợi ích của chủ thể. Cho nên, để pháp luật được thực hiện, một mặt, khi xây dựng pháp luật cần phản ánh được đầy đủ lợi ích của các nhóm xã hội; nhưng pháp luật, dù có khả năng phản ánh đến đâu cũng vẫn không thể làm được điều đó. Vì vậy, trong quá trình thực hiện pháp luật vẫn cần đề cao việc giáo dục ý thức chính trị, ý thức pháp luật, vẫn cần đến bộ máy và các cơ chế tuyên truyền, giáo dục pháp luật, phổ biến pháp luật, cưỡng chế thi hành pháp luật. Đặc biệt, cần tạo ra những điều kiện thuận lợi cho việc

thực hiện pháp luật. Chính vì vậy, nỗ lực xây dựng pháp luật sẽ không đạt được kết quả nối liền theo đó thiếu những nỗ lực cho việc thực hiện pháp luật.

Có thể thấy những hướng cần chú ý sau đây trong việc thực hiện pháp luật.

a) Tiếp tục tìm hiểu và ghi nhận được các loại lợi ích xã hội, các khuynh hướng xã hội. Không chỉ khi xây dựng pháp luật mà cả khi thực hiện pháp luật, lợi ích xã hội vẫn là yếu tố có ý nghĩa chi phối. Tuy nhiên, phản ánh lợi ích ở đây không có nghĩa là đặt lại vấn đề, tức là sửa đổi, bổ sung pháp luật ngay từ khi nó mới được ban hành, mà là để đảm bảo việc áp dụng sát đúng hơn, bảo đảm công bằng xã hội, đấu tranh với những biểu hiện muốn đạt bằng được lợi ích riêng bằng những con đường bất hợp pháp hoặc lợi dụng kẽ hở của pháp luật.

b) Làm rõ những yếu tố mới xuất hiện từ sau khi pháp luật được ban hành có khả năng chi phối quá trình áp dụng pháp luật. Bởi vì như đã nói ở trên, pháp luật và quá trình xây dựng pháp luật không tính hết được các yếu tố mới phát sinh, tức là mức độ dự báo thấp.

c) Tìm hiểu trình độ và khả năng của các chủ thể thực hiện pháp luật. Ở đây, trình độ và khả năng của các chủ thể có nhiều mức độ: có thể là sự hiểu biết về quy định của pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có thể là những điều kiện kinh tế - xã hội, văn hoá. Chẳng hạn, vì toà án huyện ở xa nơi ở quá nên người dân không thể đến được để thực hiện vai trò người làm chứng của mình, hoặc là do năng lực kinh tế chưa thể thành lập công ty được.

d) Tìm hiểu các cơ chế thực hiện pháp luật. Muốn pháp luật được thực hiện, cần có

đủ các cơ chế tạo điều kiện đưa pháp luật đến với cuộc sống. Một hành vi hợp pháp chỉ có thể thực hiện được và chấp nhận được thông qua những cơ chế hợp pháp. Có thể có sự “xung đột” giữa lợi ích chính đáng, hợp pháp với cơ chế áp dụng pháp luật bất hợp pháp. Những trường hợp dân bao vây các doanh nghiệp, hoặc tụ tập trước các trụ sở các cơ quan Đảng và Nhà nước, trước cửa nhà riêng của các vị lãnh đạo v.v. là những ví dụ như vậy. Chúng ta cũng không chấp nhận cái thực tiễn về “pháp luật điện thoại”, “thư tay”, “án bỏ túi” v.v. mà thực chất cũng là việc đạt cho được lợi ích riêng bằng mọi cách bất hợp pháp.

Các cơ chế thực hiện pháp luật phải đầy đủ, minh bạch, công khai, dễ thực hiện, tiện lợi cho tất cả các chủ thể thực hiện pháp luật.

Như vậy, thực hiện pháp luật là một phạm vi hết sức phức tạp của các quan hệ xã hội. Nó vừa mang đậm dấu ấn của các quan hệ xã hội do pháp luật điều chỉnh, lại vừa phản ánh tính chất phức tạp của các quan hệ do pháp luật sinh ra. Có thể nói, đời sống thứ hai của pháp luật có mức độ phức tạp hơn nhiều so với lần sinh thứ nhất của nó. Chính vì chưa nhận rõ hết tính phức tạp đó của lĩnh vực thực hiện pháp luật mà chúng ta thấy có một thực tế là: tuy Đảng và Nhà nước ta trong nhiều năm qua đã có nhiều nỗ lực để ban hành pháp luật, tạo nên một khuôn khổ pháp luật tương đối đầy đủ để thúc đẩy phát triển các quan hệ trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, đặc biệt là cho sự phát triển các quan hệ kinh tế thị trường định hướng XHCN, nhưng khâu yếu nhất vẫn là việc thực hiện pháp luật, đưa pháp luật vào cuộc sống.